

Số: 43/KH-UBND

Uông Bí, ngày 16 tháng 02 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Uông Bí giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 28/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. UBND thành phố Uông Bí xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp thành phố Uông Bí theo hướng mở, linh hoạt, hiệu quả, hội nhập, chú trọng cả quy mô, cơ cấu, chất lượng đào tạo; ưu tiên phân bổ ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp trong ngân sách giáo dục - đào tạo và trong các chương trình, dự án; tăng cường xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp ở những địa bàn, ngành, nghề phù hợp.

- Giáo dục nghề nghiệp thành phố Uông Bí bám sát nhu cầu của thị trường lao động gắn kết với việc làm, an sinh xã hội và phát triển bền vững; phát huy tối đa năng lực, phẩm chất của người học; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp là trách nhiệm của các cấp chính quyền, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người dân; được chú trọng trong các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển ngành, địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Giáo dục nghề nghiệp thành phố Uông Bí đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động, của người dân và yêu cầu ngày càng cao về số lượng, cơ cấu, chất lượng nhân lực có kỹ năng nghề cho phát triển kinh tế - xã hội thành phố Uông Bí trong từng giai đoạn.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2025: Bảo đảm quy mô, cơ cấu ngành, nghề đào tạo cho sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; chất lượng đào tạo của một số trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của thành phố đạt 90% trở lên

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Thu hút 40%-45% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 30% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới.

- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 25% lực lượng lao động.

- Tỷ lệ lao động người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 45%.

- Tỷ lệ lao động người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 35%.
- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 80%.
- Ít nhất 30% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 50% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.
- Phần đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn; khoảng 80% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.
- Phần đầu khoảng 80% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

b) Đến năm 2030: Tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cho quốc gia đang phát triển, có công nghiệp hiện đại; chủ động tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc tế; một số trường tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của thành phố đạt 90% trở lên.

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Thu hút 50%-55% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 40% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới.
- Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 50% lực lượng lao động.
- Tỷ lệ lao động người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 50%.
- Tỷ lệ lao động người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 40%.
- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 90%.
- Ít nhất 70% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 100% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.
- Phần đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn; khoảng 90% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại.
- Phần đầu khoảng 90% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia.

c) Tầm nhìn đến năm 2045

Giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao của một tỉnh phát triển; trở thành tỉnh phát triển hàng đầu về giáo dục nghề nghiệp trong khu vực, bắt kịp trình độ tiên tiến của ASEAN, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số ngành, nghề đào tạo.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để đạt được các mục tiêu Kế hoạch, cần thực hiện đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, trong đó, “Đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo” và “Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong giáo dục nghề nghiệp” là giải pháp đột phá. Cụ thể:

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố

- Sắp xếp, tổ chức mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố theo hướng linh hoạt, đa dạng về loại hình, hình thức tổ chức, phân bổ hợp lý

về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ, cơ cấu vùng miền, đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề nghiệp nhất là nhân lực chất lượng cao. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp.

- Nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính tự chủ, phát huy vai trò người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ quan quản lý các cấp. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá và công nhận chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Triển khai các giải pháp gắn kết cơ sở đào tạo nghề nghiệp với doanh nghiệp nhằm phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề trên địa bàn thành phố Uông Bí.

2. Đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo

a) Đẩy nhanh chuyển đổi số

- Chuyển biến căn bản nhận thức và nhanh chóng nâng cao năng lực chuyển đổi số của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng số bao gồm hạ tầng dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phát triển, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác góp phần hình thành cơ sở dữ liệu mở.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai dạy học trực tuyến các cấp độ trong giáo dục nghề nghiệp. Đề xuất chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các nền tảng số.

- Phát triển kho học liệu số ở tất cả các trình độ, ngành nghề đào tạo. Đầu tư nâng cấp các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành ảo, thiết bị ảo, thiết bị tăng cường đối với những ngành, nghề phù hợp.

b) Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị

Hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, định hướng phân tầng chất lượng và đặc thù các ngành, nghề đào tạo. Tăng cường gắn kết với doanh nghiệp để khai thác, sử dụng thiết bị đào tạo tại doanh nghiệp. Phát triển mô hình “nhà trường thông minh, hiện đại”, “nhà trường xanh”.

c) Đổi mới chương trình, giáo trình và phương thức đào tạo

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sử dụng, phát triển các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, các chương trình đào tạo cho người nước ngoài tại Việt Nam.

- Đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo với sự ứng dụng mạnh mẽ của công nghệ thông tin. Phát triển mạnh học nghề tại nơi làm việc; khuyến khích các doanh nghiệp đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tổ chức đào tạo, kèm nghề đáp ứng nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp; chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động; Đẩy mạnh triển khai liên kết nhà trường và doanh nghiệp.

- Đổi mới, đa dạng phương thức kiểm tra, đánh giá, có sự tham gia và thừa nhận của người sử dụng lao động.

- Giáo dục toàn diện, chú trọng đến phát triển phẩm chất, bình đẳng giới, hình thành các kỹ năng cốt lõi, kỹ năng mềm, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ và cá thể hóa người học.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong giáo dục nghề nghiệp

a) Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các chương trình, phương thức tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho nhà giáo. Đào tạo, bồi dưỡng tại các nước có hệ thống giáo dục nghề nghiệp phát triển đối với nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm cấp độ ASEAN, quốc tế.

- Phát triển mạnh đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề đủ năng lực tham gia đào tạo các cấp trình độ của giáo dục nghề nghiệp.

- Triển khai hiệu quả các cộng đồng, mạng lưới kết nối đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp.

b) Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp

- Định kỳ, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp các cấp, đặc biệt ở xã, phường. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo tại doanh nghiệp.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý từ thành phố đến xã, phường có kiến thức quản lý giáo dục nghề nghiệp, quản trị cơ sở giáo dục nghề nghiệp

4. Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động

- Xây dựng các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất - kinh doanh và thị trường lao động theo từng vùng, địa phương, phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong đó chú trọng đối tượng đặc thù, lao động từ khu vực phi chính thức, lao động bị thất nghiệp hoặc có nguy cơ thất nghiệp.

- Đẩy mạnh hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp, người sử dụng lao động thông qua nâng cao năng lực, phát triển các quy trình, công cụ thu thập, cập nhật và tổng hợp dữ liệu, thông tin về cung, cầu đào tạo nghề nghiệp.

- Khai thác hiệu quả dữ liệu, thông tin thị trường lao động kết hợp với điều tra định kỳ hoặc đột xuất về nhu cầu lao động, nhu cầu kỹ năng, nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp, người sử dụng lao động và phản hồi của người tốt nghiệp phục vụ quản lý và đào tạo.

- Tăng cường gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm; hỗ trợ người học tìm việc làm sau tốt nghiệp; gắn kết đào tạo với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

5. Nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ; hướng nghiệp, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp về giáo dục nghề nghiệp đặc biệt là đơn vị nghiên cứu phục vụ quản lý nhà nước.

- Gắn hoạt động đào tạo với chuyên giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và chuyên giao công nghệ.

- Đẩy mạnh hướng nghiệp trước, trong và sau đào tạo nghề nghiệp; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho người học và các hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp, tự tạo việc làm;

6. Tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho giáo dục nghề nghiệp

- Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia giáo dục nghề nghiệp. Thúc đẩy sự hỗ trợ, tài trợ của các nước phát triển, các tổ chức quốc tế đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh tự chủ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Tăng cường nguồn thu sự nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động liên doanh liên kết và cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Ưu tiên đầu tư đồng bộ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các vùng khó khăn; ngành, nghề trọng điểm, kỹ thuật cao; nghề “xanh”; ngành, nghề đào tạo mới, kỹ năng tương lai; ngành, nghề đào tạo đặc thù.

7. Truyền thông, nâng cao hình ảnh, thương hiệu và giá trị xã hội của giáo dục nghề nghiệp

- Tăng cường truyền thông giáo dục nghề nghiệp với sự tham gia của hệ thống chính trị, chính quyền các cấp, cơ sở đào tạo, người học, người sử dụng lao động và cộng đồng xã hội nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

- Hình thành đội ngũ làm công tác truyền thông về giáo dục nghề nghiệp, nâng cao năng lực cho các cán bộ truyền thông trong cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Đa dạng hoá các hoạt động truyền thông và hình thức triển khai, xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phát thanh trên hệ thống truyền thanh từ thành phố đến xã phường, bảo đảm thông tin đầy đủ, kịp thời, phù hợp với từng nhóm đối tượng về hình ảnh, vị thế, thông điệp quốc gia về giáo dục nghề nghiệp, Ngày kỹ năng lao động Việt Nam, Tuần lễ kỹ năng nghề... Tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

- Tổ chức các chương trình, cuộc thi nhằm tôn vinh người học, nhà giáo, người dạy nghề, cán bộ quản lý, người sử dụng lao động, lao động có kỹ năng, các tổ chức có nhiều thành tích, đóng góp cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề.

- Chủ động tham gia, định hướng các mạng xã hội về giáo dục nghề nghiệp bảo đảm thống nhất, tạo môi trường số kết nối, chia sẻ giữa cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, gia đình, nhà giáo, người học; hình thành mạng xã hội giáo dục nghề nghiệp mở.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh cấp hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

2. Nguồn thu từ học phí và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Huy động của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn thu, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố.

- Chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các phòng, ban, ngành, cơ quan có liên quan, UBND các xã phường cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ nhiệm vụ 05 năm, hằng năm; tham mưu xây dựng các chương trình về giáo dục nghề nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Phối hợp với UBND các địa phương xác định nhu cầu, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đào tạo nghề phi nông nghiệp theo nhu cầu, yêu cầu của thị trường lao động.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai Kế hoạch. Đánh giá sơ kết 05 năm, tổng kết 10 năm về tình hình thực hiện Kế hoạch.

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố.

Chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các phòng, ban, ngành liên quan tham mưu hoàn thiện các cơ chế, chính sách đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; tăng cường hỗ trợ công tác liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp với các bậc học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố

- Chủ trì bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước.

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện quy định về vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn vay ODA.

4. Phòng kinh tế thành phố

- Nâng cao nhận thức về công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn và chủ trương, xu hướng sản xuất nông nghiệp trong giai đoạn tới.

- Phối hợp với UBND các địa phương xác định nhu cầu, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp theo nhu cầu, yêu cầu của thị trường lao động.

- Đẩy mạnh gắn kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, hợp tác xã, tự nhân trong xây dựng các chương trình, giáo trình đào tạo, tuyên sinh, tổ chức đào tạo và đánh giá, cấp chứng chỉ, tạo việc làm cho lao động nông nghiệp.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.

5. Trung tâm truyền thông và Văn hóa thành phố

- Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, phổ biến tới đông đảo cán bộ, nhân dân trên địa bàn thành phố để biết, tham gia các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp.

- Phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các cơ quan liên quan, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố

6. Đề nghị UBMT Tổ quốc và các Tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn thành phố

- Phối hợp tuyên truyền, phổ biến đến hội viên về nội dung Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Huy động thành viên tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch, tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tham gia các chương trình, đề án phù hợp với định hướng Kế hoạch. Giám sát các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tư vấn và phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp.

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này; lồng ghép tổ chức thực hiện phù hợp với Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 4533/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh Thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025.

- Thực hiện tuyên truyền cho thanh niên về vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, tầm quan trọng của kỹ năng lao động và cơ hội có việc làm, thu nhập ổn định sau đào tạo nghề nghiệp.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ 05 năm và hằng năm để phát triển giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý; đồng thời bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Khuyến khích các xã, phường thành lập hội đồng giáo dục nghề nghiệp với vai trò là cơ quan liên ngành tư vấn chính sách, khuyến nghị và điều phối, giám sát các chương trình hỗ trợ đổi mới giáo dục nghề nghiệp của địa phương.

- Tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện các chương trình, dự án, tiểu dự án trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Các phòng, ban, ngành, UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ và Kế hoạch này tổ chức triển khai thực hiện, phối hợp thực hiện; nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung kịp thời báo cáo UBND thành phố (qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp./. NB

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Lao động - TB&XH tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các phó CT UBND TP (C/đ);
- UB MTTQ và các Tổ chức chính trị XH (p/h);
- Các ngành: Lao động TBXH; Giáo dục và Đào tạo; Tài chính; Kinh tế; TT truyền thông & VH (T/h);
- UBND các xã, phường (T/h);
- Lưu: VT,

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thành